

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2011/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo
tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục; Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 99/2008/QĐ-TTg ngày 14/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

Căn cứ Kết luận 28-KL/TU ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2011/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1636/TTr-SGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2011 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

I - Quan điểm.

- Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo cần phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020;

- Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng đồng bộ, toàn diện, chuẩn hóa và hiện đại, gắn giáo dục với đào tạo; phát triển giáo dục và đào tạo phải đi đôi với nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng với nhu cầu xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng quan hệ hợp tác trong khu vực và quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

II - Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trên cơ sở chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, phát triển mạng lưới, quy mô hợp lý, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xây dựng con người trong xã hội hiện đại có văn hóa, đạo đức, lối sống lành mạnh, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực sáng tạo và hội nhập.

2. Các mục tiêu cụ thể:

a) Về giáo dục mầm non:

- Năm 2015: Có 100% trẻ em 5 tuổi được đi học mẫu giáo, được học 2 buổi/ngày theo chương trình giáo dục mầm non mới; trên 95% trẻ em 3 - 4 tuổi đến trường; có 20% trẻ em dưới 3 tuổi ra nhà trẻ; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non xuống dưới 7%; có 50% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

- Năm 2020: Có 30% trẻ em dưới 3 tuổi ra nhà trẻ; có 70% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

b) Về giáo dục tiểu học:

- Năm 2015: Duy trì 100% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1; có trên 98% trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học, trên 90% học sinh học 2 buổi/ngày; có 80% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia;

- Năm 2020: 100% học sinh học 2 buổi/ngày; có 90% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức 2.

c) Về giáo dục trung học cơ sở:

- Duy trì kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đảm bảo 91% dân số trong độ tuổi (từ 15 - 18 tuổi) tốt nghiệp trung học cơ sở;

- Năm 2015: Tỷ lệ nhập học theo dân số trong độ tuổi (từ 11 - 14 tuổi) đạt khoảng 96%; có 50% số trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia;

- Năm 2020: Tỷ lệ nhập học theo dân số trong độ tuổi (từ 11 - 14 tuổi) đạt 100%; có 80% số trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

d) Về giáo dục trung học phổ thông:

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đạt từ 50 - 65%;

- Duy trì kết quả học sinh vào đại học, cao đẳng và học sinh giỏi cấp quốc gia hàng năm của tỉnh trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước;

- Năm 2015: Tỷ lệ nhập học trung học phổ thông và tương đương so với dân số trong độ tuổi (từ 15 - 17 tuổi) đạt trên 70%; có 40% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; có 20% học sinh học ở các trường ngoài công lập.

- Năm 2020: Tỷ lệ nhập học trung học phổ thông và tương đương so với dân số trong độ tuổi (từ 15 - 17 tuổi) đạt trên 75%; có 70% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; có 25% học sinh học ở các trường ngoài công lập.

e) Về giáo dục thường xuyên: Đến năm 2015 có 100% cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện được học tập, bồi dưỡng cập nhập kiến thức về lý luận, pháp luật, kinh tế - xã hội; có 99% dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ.

g) Về giáo dục nghề nghiệp và đại học:

- Tăng qui mô tuyển sinh học nghề từ 8 - 12%/năm;

- Năm 2015: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%; trong đó: Đào tạo nghề 40%; tỷ lệ lao động qua đào tạo ngành nông, lâm, ngư nghiệp là 23,5%; ngành công nghiệp, xây dựng là 36%; các ngành dịch vụ là 40,5%;

- Năm 2020: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó: đào tạo nghề đạt 54,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo ngành nông, lâm, ngư nghiệp là 21,8%, ngành công nghiệp, xây dựng là 39%, các ngành dịch vụ là 39,2%.

III - Nội dung quy hoạch

1. Quy hoạch về quy mô và mạng lưới giáo dục và đào tạo

a) Giáo dục mầm non:

- Năm 2015: Trẻ em dưới 3 tuổi ra nhà trẻ đạt khoảng 13 nghìn, tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt khoảng 65 nghìn; có 315 trường;

- Năm 2020: Trẻ em dưới 3 tuổi ra nhà trẻ đạt khoảng 20 nghìn; tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt khoảng 66 nghìn; có 339 trường.

b) Giáo dục tiểu học:

- Năm 2015: Tổng số đạt khoảng 104,4 nghìn học sinh; có 306 trường;
- Năm 2020: Tổng số đạt khoảng 111,2 nghìn học sinh; có 310 trường.

c) Giáo dục trung học cơ sở:

- Năm 2015: Tổng số đạt khoảng 73,1 nghìn học sinh; có 260 trường, trong đó có 13 trường chất lượng cao;
- Năm 2020: Tổng số đạt khoảng 85,9 nghìn học sinh; có 265 trường.

d) Giáo dục trung học phổ thông:

- Năm 2015: Tổng số đạt khoảng 37,8 nghìn học sinh, trong đó: quy mô của các trường ngoài công lập đạt khoảng 7,6 nghìn học sinh; có 48 trường, trong đó có 13 trường ngoài công lập (có 01 trường ở phía Nam thành phố Việt Trì);
- Năm 2020: Tổng số đạt khoảng 41,8 nghìn học sinh, trong đó: quy mô của các trường ngoài công lập khoảng 10,5 nghìn học sinh; có 50 trường, trong đó có 15 trường ngoài công lập.

e) Giáo dục thường xuyên:

Năm 2015: Tổng số học sinh, học viên tham gia vào các chương trình giáo dục thường xuyên và bồi dưỡng nghiệp vụ đạt khoảng 15,2 nghìn người; có 01 trung tâm kỹ thuật - hướng nghiệp cấp tỉnh; có 14 trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp; giữ vững 100% số xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng; duy trì hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học và Trường Bồi dưỡng Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng;

- Năm 2020: Tổng số học sinh, học viên tham gia vào các chương trình giáo dục thường xuyên và bồi dưỡng nghiệp vụ đạt khoảng 15,6 nghìn người.

g) Giáo dục nghề nghiệp và đại học:

- Năm 2015: Quy mô đào tạo trung bình của giáo dục nghề nghiệp và đại học khoảng 179,2 nghìn người; mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học là 63 cơ sở;

- Năm 2020: Quy mô đào tạo trung bình của giáo dục nghề nghiệp và đại học khoảng 238,5 nghìn người, mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học là 66 cơ sở; nâng cấp 03 trung tâm dạy nghề lên thành trường trung cấp nghề, 04 trường trung cấp nghề và trung cấp chuyên nghiệp thành trường cao đẳng và trường cao đẳng nghề, 04 trường cao đẳng thành trường đại học.

2. Quy hoạch đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên các cơ sở giáo dục và đào tạo

a) Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên giáo dục mầm non:

- Năm 2015: Đội ngũ cô nuôi dạy trẻ đạt 1.500 người; tỷ lệ trẻ nhà trẻ giáo viên là 8,5 cháu/cô; giáo viên mẫu giáo đạt 4.340 người; tỷ lệ học sinh mẫu giáo/giáo viên là 15 học sinh/cô; có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên (trong đó có 50% giáo

viên đạt trình độ trên chuẩn); cán bộ quản lý đạt bình quân 2,5 người/trường; nhân viên đạt bình quân 2 người/trường;

- Năm 2020: Đội ngũ cô nuôi dạy trẻ đạt 2.400 người; tỷ lệ trẻ nhà trẻ/giáo viên là 8 cháu/cô; giáo viên mẫu giáo đạt 4.900 người; tỷ lệ học sinh mẫu giáo/giáo viên là 13,5 học sinh/cô; có 80% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn; nhân viên trường học đạt bình quân 3 người/trường.

b) *Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên giáo dục tiểu học:*

- Năm 2015: Quy mô giáo viên đạt 6.306 người; có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên (trong đó có 80% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn); cán bộ quản lý đạt bình quân 2,5 người/trường; nhân viên đạt bình quân 2,5 người/trường;

- Năm 2020: Quy mô giáo viên đạt 6.600 người (đảm bảo đủ 1,5 giáo viên/lớp để dạy 2 buổi/ngày); có 90% giáo viên đạt trình độ chuẩn; nhân viên bình quân 3,5 người/trường.

c) *Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên giáo dục trung học cơ sở:*

- Năm 2015: Quy mô giáo viên đạt 5.532 người; có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên (trong đó có 60% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn); cán bộ quản lý đạt bình quân 2,4 người/trường; nhân viên đạt bình quân 3,5 người/trường;

- Năm 2020: Quy mô giáo viên đạt 6.763 người; có 70% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn; cán bộ quản lý đạt bình quân 2,5 người/trường; nhân viên đạt bình quân 5 người/trường.

d) *Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên giáo dục trung học phổ thông:*

- Năm 2015: Quy mô giáo viên đạt 2.208 người (trong đó giáo viên biên chế trường công lập đạt 1.769 người); có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên (trong đó có 10% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, riêng Trường THPT Chuyên Hùng Vương đạt 50%); cán bộ quản lý đạt bình quân 3,5 người/trường; nhân viên đạt bình quân 5 người/trường;

- Năm 2020: Quy mô giáo viên đạt 2.586 người (trong đó giáo viên biên chế trường công lập đạt 1.999 người); có 20% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn (riêng Trường THPT Chuyên Hùng Vương có 70% giáo viên đạt trên chuẩn, trong đó có 2% tiến sỹ); nhân viên đạt bình quân 6,5 người/trường.

e) *Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp, kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp:*

- Năm 2015: Khoảng 35 học sinh, học viên/giáo viên;

- Năm 2020: Khoảng 28 học sinh, học viên/giáo viên;

- Cán bộ quản lý bình quân đạt 3 người trung tâm; nhân viên bình quân đạt 5 người/trung tâm.

g) *Giáo dục nghề nghiệp và đại học:*

- Năm 2015: Quy mô giáo viên, giảng viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học đạt 4.110 người;

- Năm 2020: Quy mô giáo viên, giảng viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học đạt 5.640 người; tỷ lệ giáo viên có trình độ thạc sĩ 35% ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, 40% giảng viên ở trường cao đẳng (có 5% tiến sĩ), 80% giảng viên trường đại học (có 25% tiến sĩ).

3. Quy hoạch cơ sở vật chất - kỹ thuật của các cơ sở giáo dục và đào tạo

a) Đối với giáo dục mầm non và phổ thông

* Giai đoạn 2011 - 2015:

- Thực hiện kiên cố hóa phòng học mầm non đạt 85%, tiểu học đạt 90%, trung học cơ sở đạt 95% và trung học phổ thông đạt 100%;

- Có 50% số trường mầm non có đủ khối phòng phục vụ học tập, khối phòng tổ chức ăn ngủ cho học sinh, khối phòng hành chính quản trị và hệ thống các công trình phụ trợ đạt chuẩn quy định;

- Có 80% số trường tiểu học, 50% số trường trung học cơ sở và 40% số trường trung học phổ thông có đủ phòng học bộ môn, phòng thư viện, khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị và hệ thống các công trình phụ trợ đạt chuẩn quy định;

- Có đủ chỗ ở ký túc xá và các công trình phụ trợ phục vụ cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú; bán trú; nhà ở công vụ và các công trình phụ trợ cho giáo viên các trường khu vực miền núi, vùng sâu;

- 100% các trường có công trình nước sạch và vệ sinh phù hợp tiêu chuẩn;

- 100% trường có đủ diện tích đất tối thiểu theo quy định;

- 100% các thư viện có và duy trì đủ số lượng sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo theo quy định thư viện đạt chuẩn;

- 100% số trường phổ thông có đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu; 100 số trường mầm non có đủ đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu cho lớp mầm non 5 tuổi và 50% số trường có đủ đồ dùng - đồ chơi - thiết bị cho nhóm trẻ và các lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi;

- 50% số trường mầm non có sân chơi có đủ đồ chơi; 80% số trường tiểu học, 50% số trường trung học cơ sở và 40% số trường trung học phổ thông có đủ thiết bị phòng học bộ môn đạt chuẩn quy định;

- 70% số trường mầm non, 80% số trường tiểu học và 100% số trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông được kết nối và sử dụng Internet;

* Giai đoạn 2016 - 2020:

- Thực hiện kiên cố hóa phòng học cho tất cả các trường, lớp học của các cấp học;

- Có 75% số trường mầm non có đủ khối phòng phục vụ học tập, khối phòng tổ chức ăn ngủ, khối phòng hành chính quản trị và hệ thống các công trình phụ trợ đạt chuẩn;

- Có 90% số trường tiểu học, 80% số trường trung học cơ sở và 70% số trường trung học phổ thông có đủ phòng học bộ môn, phòng thư viện, khối phòng phục vụ học tập, hành chính quản trị và các công trình phụ trợ đạt chuẩn;

- Có đủ nhà ký túc xá kiên cố và các công trình phụ trợ phục vụ cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú;

- 100% các thư viện trường học đạt chuẩn;

- 100% các trường phổ thông có đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu; 100% các trường mầm non có đủ đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo;

- 75% số trường mầm non có sân chơi có đủ đồ chơi: 90% số trường tiểu học; 80% số trường trung học cơ sở và 70% số trường trung học phổ thông có đủ thiết bị phòng học bộ môn đạt chuẩn quy định;

- 100% số trường mầm non và phổ thông được kết nối Internet; 90 trường tiểu học, 100% trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông có website;

b) Đối với giáo dục nghề nghiệp và đại học

- Các cơ sở dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng thuộc diện được nâng cấp, thành lập mới cần điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng đề án quy hoạch tổng thể phát triển trường hoàn thành chậm nhất vào cuối năm 2012;

- Căn cứ quy hoạch phát triển được duyệt, tỉnh thực hiện bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước, khuyến khích các cơ sở vay vốn ưu đãi đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật.

IV - Các giải pháp thực hiện

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát việc xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển giáo dục và đào tạo;

- Tổ chức thực hiện Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2011 về Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã. Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý, giao quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục trong quản lý tài chính, quản lý nhân sự, tổ chức quá trình dạy học. Đổi mới công tác xây dựng và giao kế hoạch giáo dục, kế hoạch đào tạo nguồn nhân

lực. Ban hành các chính sách phù hợp trong từng thời kỳ nhằm khuyến khích phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo;

- Xác định việc thực hiện đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo;

- Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đoàn thể, hội khuyến học cơ sở, các dòng họ khuyến học,... trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

2. Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, quan tâm giáo dục nhân cách; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo

- Tăng cường áp dụng đổi mới chương trình giáo dục các cấp học; thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường. Chú trọng các hoạt động lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục nhằm phát triển thể chất và kỹ năng sống cho học sinh; quan tâm thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu;

- Đổi mới, tiếp cận và vận dụng có hiệu quả các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; coi trọng chất lượng, tránh hình thức; tự đánh giá và được đánh giá ngoài theo hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục; tăng cường sự giám sát của cộng đồng trong hoạt động giáo dục.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; phát triển các chương trình đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người học để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động trong nước và khu vực.

3. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên các cơ sở giáo dục và đào tạo

- Thực hiện các chương trình bồi dưỡng cho cán bộ quản lý giáo dục các cấp; khuyến khích giáo viên và cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ, ưu tiên đào tạo trên chuẩn; quan tâm phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục ở các cơ sở giáo dục miền núi, vùng khó khăn, địa bàn giáo dục chưa phát triển.

- Khuyến khích và tăng cường trao đổi kinh nghiệm trong công tác giảng dạy quản lý; ưu tiên tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên các cơ sở đào tạo nhân lực có trình độ đào tạo theo quy định; đảm bảo đủ điều kiện giáo viên, giảng viên để thành lập, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học.

4. Phát triển mạng lưới, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho giáo dục và đào tạo

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập thường xuyên; xây dựng trường học cơ sở chất lượng cao tại các huyện, thị, thành và lớp chất lượng cao tại một số trường trung học cơ sở; ưu tiên đầu

tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu;

- Sắp xếp hợp lý mạng lưới các trường trung học phổ thông tư thục theo hướng cân đối giữa phía Bắc và phía Nam thành phố Việt Trì; hỗ trợ, định hướng phát triển quy mô đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập; xem xét bố trí phát triển các trường ngoài công lập một cách hợp lý, gắn với phát triển dân cư, kinh tế - xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập, chấm dứt hoạt động đối với những cơ sở không đủ điều kiện đảm bảo chất lượng hoặc hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích. Quản lý chặt chẽ các nguồn lực của nhà nước hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trong việc thực hiện chính sách xã hội hóa, thực hiện thu hút đối với các cơ sở sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích;

- Thực hiện thí điểm mô hình trường trung học cơ sở liên xã hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học đối với các trường tiểu học và trung học cơ sở có quy mô quá nhỏ để rút kinh nghiệm, đánh giá và đề xuất phương án triển khai nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh;

- Hoàn thành mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đối với các cấp học; quan tâm ưu tiên đầu tư cho các trường thuộc vùng khó khăn; đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học được mở rộng quy mô hoặc nâng cấp để đáp ứng đào tạo nguồn nhân lực.

5. Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục

- Thực hiện mở rộng chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục và đào tạo gắn với đổi mới cơ chế tài chính nhằm tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát đối với các nguồn đầu tư của xã hội cho giáo dục và đào tạo;

- Nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể, hội khuyến học cơ sở, dòng họ khuyến học,... trong việc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, tiến tới xây dựng xã hội học tập. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích cá nhân, các tổ chức xã hội về phát triển mạng lưới, đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập. Khuyến khích doanh nghiệp mở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tăng cường khả năng tự cung ứng nhân lực và góp phần cung ứng nhân lực cho thị trường lao động, nhất là nhân lực chất lượng cao thuộc ngành nghề mũi nhọn;

- Thành lập quỹ hỗ trợ đào tạo do các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đóng góp. Có quy định cho các cơ sở giáo dục công lập hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, cá nhân trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ giáo dục và đào tạo.

6. Nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu

- Xây dựng cơ chế phối hợp để mở rộng các hình thức, nội dung liên kết giữa đào tạo - nghiên cứu khoa học - sản xuất - dịch vụ nhằm tăng điều kiện thực hành, thực tập và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo của các trường;

- Đẩy mạnh và khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, đặc biệt là các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học; tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục và đào tạo trong nước và quốc tế; quan tâm ứng dụng các đề tài khoa học, giải pháp công nghệ vào lĩnh vực sản xuất;

- Có chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và thu hút các nhà khoa học tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học ở các cơ sở đào tạo; tăng cường gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với nhu cầu xã hội thông qua hình thành liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học với doanh nghiệp.

7. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về giáo dục và đào tạo

- Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển giáo dục và đào tạo thông qua các hoạt động thăm quan, học tập trao đổi kinh nghiệm, hội thảo và các dự án đầu tư, phát triển;

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh hợp tác với các cơ sở đào tạo nước ngoài để nâng cao năng lực quản lý, phát triển các chương trình đào tạo; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục và liên doanh, liên kết đào tạo nhân lực có chất lượng cao.

8. Đảm bảo nguồn lực thực hiện quy hoạch

a) Tổng chi cho giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011 - 2020: 52.234 tỷ đồng

Trong đó:

- Chi thường xuyên: 34.189 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 65,5%

- Chi đầu tư: 18.045 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 34,5%, gồm:

+ Đầu tư từ nguồn xây dựng cơ bản: 1.287 tỷ đồng;

+ Đầu tư từ các chương trình, dự án (của TW và của tỉnh): 16.758 tỷ đồng.

b) Cơ cấu nguồn vốn:

- Chi thường xuyên: 100% ngân sách địa phương;

- Chi đầu tư:

+ Ngân sách Trung ương: Chiếm 60%;

+ Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): Chiếm 25%;

+ Huy động (tiền, hiện vật, ngày công quy đổi): Chiếm 15%.

c) Phân kỳ thực hiện:

- Tổng số giai đoạn 2011 - 2015 : 19.711 tỷ đồng, chiếm 37,7%;

- Tổng số giai đoạn 2016 - 2020: 32.523 tỷ đồng, chiếm 62,3%;

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo: Là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh công bố và tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch. Có trách nhiệm tham mưu trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm để thực hiện đạt được các mục tiêu của quy hoạch; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc ban hành các văn bản quản lý nhà nước để tạo hành lang pháp lý cho triển khai thực hiện quy hoạch và khuyến khích phát triển giáo dục và đào tạo. Hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và cơ quan liên quan xác định các mục tiêu, chỉ tiêu ưu tiên trong thực hiện quy hoạch để làm căn cứ trong việc tham mưu bố trí và hỗ trợ nguồn lực đầu tư; phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành và các cơ quan liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo trách nhiệm được giao. Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu thực hiện cân đối, bố trí các nguồn vốn đầu tư trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu ưu tiên trong thực hiện quy hoạch; trong việc tranh thủ sự giúp đỡ và hỗ trợ của các Bộ, ngành TW nhằm tăng cường các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách TW, các doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế để đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Phối hợp với các ngành và các địa phương đưa quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh và các huyện, thị, thành.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cân đối ngân sách, đảm bảo các nguồn chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo; tham mưu, đề xuất cơ chế huy động các nguồn lực để thực quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch.

4. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, tổng hợp và giao biên chế cho giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc xác định các mục tiêu ưu tiên hàng năm và trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch về các nội dung thuộc lĩnh vực đào tạo nghề. Phối hợp với các Sở, Ngành và các cơ quan liên quan ở cấp tỉnh và cấp huyện để xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đào tạo nghề phù hợp với quy hoạch. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quản lý nhà nước, tạo hành lang pháp lý cho công tác dạy nghề nhằm phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực đào tạo nghề trong quy hoạch.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo và các huyện, thành, thị bảo đảm quỹ đất và trình tỉnh cấp giấy phép quyền sử dụng đất để xây dựng trường học theo chuẩn của Nhà nước quy định.

7. Sở Xây dựng: Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành một số thiết kế mẫu lớp học, phòng học bộ môn, nhà điều hành, khu ký túc xá cho học sinh, sinh viên phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, loại hình trường, phong tục tập quán và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiến hành rà soát quy hoạch xây dựng để điều chỉnh bổ sung các công trình thiết chế giáo dục và đào tạo phù hợp với quy hoạch ngành giáo dục và đào tạo; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác quản lý xây dựng cơ bản nhằm không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng các công trình trường học theo tiêu chuẩn.

8. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học: Căn cứ quy hoạch tổng thể để xây dựng kế hoạch phát triển của đơn vị, đảm bảo bền vững, chất lượng, đúng tiến độ và lộ trình theo quy hoạch; thực hiện những nội dung của quy hoạch về đào tạo nhân lực, nhất là tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao.

9. Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành: Căn cứ vào quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh, xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm của địa phương cho phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cùng thời kỳ. Thực hiện quy hoạch quỹ đất trên địa bàn để phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo. Trong đó đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa, miền núi. Xúc tiến việc thành lập và hoàn thiện hệ thống các trường, cơ sở đào tạo nghề, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường công tác xã hội hóa để huy động tốt nhất mọi nguồn lực hỗ trợ cho giáo dục. Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan trong thực hiện chính sách phát triển giáo dục và đào tạo.

10. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện phát triển giáo dục ở địa phương phù hợp với các nội dung của quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của huyện, của tỉnh. Phối hợp với ngành giáo dục xây dựng quy hoạch về đất cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo tiêu chuẩn quy định. Thực hiện các chế độ thống kê, báo cáo định kỳ và hàng năm về tổ chức và hoạt động giáo dục trên địa bàn với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

11. Các cơ quan báo chí, thông tin, truyền thông các cấp: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và người dân, khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; những thành tựu của giáo dục đã và đang góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị của tỉnh trong những năm qua.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức đoàn thể các cấp: Phối hợp cùng ngành giáo dục và đào tạo vận động các lực lượng xã hội tham gia đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội cùng chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục; tạo dựng môi trường xã hội, văn hóa lành mạnh, phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục tập hợp và đề xuất các phương thức đáp ứng nhu cầu học tập trong cộng đồng để xây dựng xã hội học tập.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động, Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Dân Mạc (Đã ký)